

Số: 40 /QĐ-PGDĐT

Mường Chà, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả xét chế độ miễn, giảm học phí,
hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 5 tháng đầu năm 2025,
năm học 2024 - 2025**

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên quy định mức học phí từ năm học 2023-2024 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh;

Xét tờ trình đề nghị phê duyệt chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh, 5 tháng đầu năm 2025 thuộc năm học 2024 – 2025 của các đơn vị trường học thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ biên bản thẩm định hồ sơ xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; xét duyệt học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 thuộc năm học 2024-2025 của Hội đồng xét duyệt phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ, học sinh 5 tháng đầu năm 2025, thuộc năm học 2024-2025 của 41 đơn vị trường, cụ thể như sau:

1. Số trẻ, học sinh, số tiền hỗ trợ được xét duyệt:

- Hỗ trợ chi phí học tập 15.850 trẻ, học sinh trong đó: Cấp mầm non 4.145 trẻ, cấp tiểu học 7.135 học sinh, cấp THCS 4.570 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 11.887.500.000 đồng (Mười một tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Miễn học phí 6.928 trẻ, học sinh trong đó: Cấp mầm non 2.352 trẻ, cấp THCS 4.576 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 522.800.000 đồng (Năm trăm hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Giảm 70% học phí 1.779 trẻ, học sinh trong đó: Cấp mầm non 1.778 trẻ, cấp THCS 1 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 156.082.500 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Giảm 50% học phí 2 trẻ, học sinh trong đó: Cấp mầm non 2 trẻ, tổng số tiền hỗ trợ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

(Có bảng tổng hợp và danh sách học sinh kèm theo)

2. Thời gian được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: 5 tháng đầu năm 2025, thuộc năm học 2024-2025.

3. Học sinh được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đóng học phí theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Các Hội đồng xét duyệt chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ, học sinh có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai kết quả thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ phận chuyên môn Mầm non, Tiểu học, THCS, Kế toán, Tổ chức phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các đơn vị trường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Hồng Quân

DANH SÁCH
TRƯỜNG, SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT MIỄN,
GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025,
NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 40 /QĐ-PGDĐT ngày 14 /3/2024 của Phòng GD&ĐT)

TT	Trường	Số lượng HS				Ghi chú
		Hỗ trợ chi phí học tập	Miễn, giảm, cấp bù học phí			
			100%	70%	50%	
1	Trường MN số 1 Mường Mươn	200	128	72		
2	Trường MN số 2 Mường Mươn	155	104	51		
3	Trường MN số 1 Na Sang	242	145	96		
4	Trường MN số 2 Na Sang	174	111	59		
5	Trường MN Thị Trấn Mường Chà	127	65	54	2	
6	Trường MN Ma Thì Hồ	486	151	333		
7	Trường MN Sa Lông	303	213	90		
8	Trường MN Huổi Lèng	283	170	113		
9	Trường MN Hừa Ngải	320	211	109		
10	Trường MN Mường Tùng	456	291	165		
11	Trường MN số 1 Sá Tổng	246	138	108		
12	Trường MN số 2 Sá Tổng	332	99	233		
13	Trường MN Mường Anh	231	138	93		
14	Trường MN Nậm Nèn	183	114	69		
15	Trường MN Huổi Mí	407	274	133		
16	Trường TH số 1 Mường Mươn	389				
17	Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn	301				
18	Trường PTDTBT TH số 1 Na Sang	465				
19	Trường PTDTBT TH số 2 Na Sang	340				
20	Trường TH Thị trấn Mường Chà	284				
21	Trường PTDTBT TH Ma Thì Hồ	742				
22	Trường PTDTBT TH Sa Lông	491				
23	Trường PTDTBT TH Huổi Lèng	446				
24	Trường PTDTBT TH Hừa Ngải	599				



25	Trường PTDTBT TH Nậm He	593				
26	Trường PTDTBTTH số 2 Sá Tổng	535				
27	Trường PTDTBTTH Mường Anh	437				
28	Trường PTDTBTTH Nậm Nền	367				
29	Trường PTDTBTTH Huổi Mí	540				
30	Trường PTDTBT THCS Mường Mươn	489	489			
31	Trường PTDTBT THCS Na Sang	501	502			
32	Trường THCS Thị trấn Mường Chà	239	244			
33	Trường PTDTBT THCS Ma Thi Hồ	483	483			
34	Trường PTDTBT THCS Sa Lông	328	328			
35	Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng	328	328			
36	Trường PTDTBT THCS Hừa Ngải	397	397			
37	Trường PTDTBT TH&THCS Mường Tùng	589	455			CPHT cấp TH: 143 CPHT cấp THCS: 455
38	Trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng	974	502			CPHT cấp TH: 472 CPHT cấp THCS: 502
39	Trường THCS Mường Anh	257	257			
40	Trường THCS Nậm Nền	242	242	1		
41	Trường PTDTBT THCS Huổi Mí	349	349			
Tổng cộng		15.850	6.928	1.779	2	



DANH SÁCH
HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, NĂM HỌC 2024 - 2025
Trường PTDTBT TH Huổi Mí

(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-PGDĐT ngày 14/3/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng chính sách	Mức hỗ trợ (đồng/tháng)	Số tháng được hỗ trợ	Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng)	Họ và tên cha (mẹ) hoặc người đỡ đầu	Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường)			Ghi chú
								Bản	Xã/Thị trấn	Huyện	
1	Giàng Thị Bóc	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Cừ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
2	Vàng Thị Chia	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Cháy Phông	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
3	Giàng A Chinh	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chớ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
4	Thào A Chù	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
5	Giàng Thị Gầu Di	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Trọng	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
6	Khoảng Minh Du	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Muôn	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
7	Giàng Thị Dừa	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Chừ Hoa	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
8	Sinh Thị Pà Dung	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh A Sừ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
9	Giàng A Đoàn	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tùng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
10	Sùng Thị Gánh	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Phông	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
11	Lò Thị Bảo Hân	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Niêm	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
12	Vừ Thị Hiền	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Chá	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
13	Hà Lê Anh Minh	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hà Văn Dược	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
14	Giàng Thị Nà	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
15	Sùng Thị Nủ	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lồng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
16	Vừ Thị Hằng Nga	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Sừ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
17	Lù Khánh Ngân	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mào Thị San	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
18	Vàng Thị Nguyệt	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Tính	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
19	Sùng A Phình	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tủa	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
20	Vừ Vinh Quang	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Chớ	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
21	Giàng Giô Sếp	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Pu	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
22	Giàng A Toàn	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Phừ	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
23	Vàng Thị Kim Tuyến	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Thảo	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
24	Thào A Thanh	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Sinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	



25	Thào Chí Thiện	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Sửu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
26	Giàng Y Sin Trang	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Ly	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
27	Giàng A Viên	1A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dờ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
28	Vàng Thị Ca	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Cá	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
29	Giàng Thị Cui	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Xù	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
30	Sinh A Cư	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Vi	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
31	Vàng A Chanh	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Cầu	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
32	Thào Thị Chi	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Mò	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
33	Lù Thị Chừ	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù A Phong	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
34	Sùng A Dành	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lừ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
35	Vàng Thị Dinh	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Tinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
36	Vừ Thị Dung	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Giàng Khoa	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
37	Giàng Thị Hai	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Mang	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
38	Giàng Thị Kim Hoai	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù Thị Lan	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
39	Sùng Thị Lan	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Giàng Chua	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
40	Giàng Thị Ly	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Trùng Sính	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
41	Sùng Thị Ly	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Đế	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
42	Giàng Thị Ngọc Mai	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Pùa	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
43	Sùng A Minh	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dìa	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
44	Vàng Thị Năng	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Ký	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
45	Lò Thị Bích Ngọc	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Sơn	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
46	Lù Thị Minh Nguyệt	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Thị Sương	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
47	Vàng Sùng Ánh Nguyệt	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Tùng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
48	Giàng A Phảnh	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chớ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
49	Sùng A Phương	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Vinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
50	Sùng Thị Phương	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Di	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
51	Tràng Chân Quang	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Tràng Văn Thiết	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
52	Giàng Thị Sênh	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Cháng Di	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
53	Lò Hoài Tuấn	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Niêm	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
54	Giàng A Tùng	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Giồng Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
55	Sùng A Thái	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chính	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
56	Giàng A Than	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Kỷ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
57	Giàng Y Sin Thang	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Ly	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
58	Lù A Thắng	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù A Tung	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	

59	Giàng Thị Thương	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chờ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
60	Giàng A Vành	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Dững Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
61	Giàng Thị Xi	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Ná	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
62	Giàng Thị Cà Xía	2A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Sia Là	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
63	Giàng Thị Dung	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
64	Vàng Thị Pà Dung	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Di	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
65	Giàng Thị Tuyết Duyên	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Câu	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
66	Sinh Thị Dur	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh A Sừ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
67	Sùng A Đông	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sanh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
68	Giàng Thị Đũa	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chí	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
69	Sùng Thị Đũa	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Phòng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
70	Giàng A Hải	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Cừ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
71	Giàng Thị Hua	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Ná	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
72	Vừ Thị Xuân Hương	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Sừ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
73	Hờ A Kénh	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Giồng	Háng Pa	Chiềng Sơ	Điện Biên Đông	
74	Sùng A Kiến	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Danh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
75	Vàng A Li	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Chái Phồng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
76	Lò Thị Ánh Linh	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Văn Toan	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
77	Lò Thị Khánh Mi	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Thịnh	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
78	Vừ A Mua	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dinh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
79	Giàng Thị Hồng Nhung	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Su	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
80	Lò Thị Đoan Oanh	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Dung	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
81	Sinh A Phình	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Ía	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
82	Thào Mạnh Quân	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Mua	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
83	Giàng Mạnh Quyền	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Thanh	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
84	Sùng Thị Si	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lồng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
85	Vàng Thị Sông	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Giồng Mù	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
86	Giàng Giô Suê	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tàng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
87	Lò Bảo Thắng	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Út	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
88	Lù Thị Thư Thoại	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Quyết	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
89	Hà Bảo Trâm	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hà Văn Ngoan	Xóm Bương	Khả Cừ	Thanh Sơn-PT	
90	Thào A Trinh	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
91	Giàng Vũ Trường	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Thị Nga	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
92	Vàng Quang Vinh	3A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Dia	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	

93	Giàng A Bình	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chu	Pa xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
94	Giàng A Bình	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Mao	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
95	Thào A Cá	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Giàng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
96	Vừ Thị Cá	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tranh	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
97	Lầu A Cầu	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh Thị Dước	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
98	Cứ Thị Cờ	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ Xia Dung	Pa xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
99	Giàng A Cừ	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chữ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
100	Lý Thị Linh Chan	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lí A Tênh	Pa xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
101	Lầu Thị Chia	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Chu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
102	Vàng Thị Đũa	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Xế	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
103	Giàng Thị Hoa	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dờ	Pa xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
104	Giàng Thị Khua	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Cừ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
105	Thào Thị Lìa	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Vư	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
106	Sùng Thị Mai	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tùng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
107	Sùng Thị Mi	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lênh	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
108	Lý A Minh	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lý A Cầu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
109	Giàng Thị Mua	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chá	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
110	Cứ A Xi Ông	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Lịch	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
111	Vừ A Phi	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng Thị Đại	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
112	Hờ Thành Quân	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mã Thị Xuân	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
113	Lý Phú Quý	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lý A Hờ	Pa xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
114	Vừ Thị Sang	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Chớ	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
115	Sùng A Sinh	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chia	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
116	Vàng Thị Sinh	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Chồng Súa	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
117	Thào Thị Súa	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
118	Vàng A Thiên	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Tính	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
119	Giàng Thị Y Vân	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chúng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
120	Giàng A Thù	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Sinh	Pa xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
121	Hờ Thị Xi	3A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Phía	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
122	Vừ A Của	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Chu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
123	Vừ A Cừ	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Chu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
124	Thào A Dờ	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Dừa	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
125	Cứ Thị Dợ	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Cờ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
126	Giàng Thị Dợ	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh Thị Dù	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	



127	Lò Văn Duy	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Thị Hặc	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
128	Giàng Thị Ganh	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh Thị Vầu	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
129	Vừ Trường Giang	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Máy	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
130	Sùng Thị Giêu	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Dế	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
131	Giàng Thị Hồ	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Gồng	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
132	Giàng A Hồng	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Khoa	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
133	Giàng Thị Hương	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Vàng	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
134	Giàng Thị Ngọc Lan	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Cháng	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
135	Giàng A Lương	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh Thị Dừng	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
136	Giàng Thị Ly	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh Thị Vù	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
137	Vàng Thị Sanh	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Ganh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
138	Vừ Thị Sĩ	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Dờ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
139	Khoảng Văn Nhân	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Hợi	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
140	Mùa Thị Song	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Mỹ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
141	Giàng Gieo Sùa	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Dính	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
142	Vừ A Thanh	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Dế	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
143	Giàng Xa Thor	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Sai	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
144	Vừ A Trọng	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Ly Thị De	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
145	Cứ A Trường	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Dính	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
146	Cứ A Vàng	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Thị Sùng	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
147	Lò Thị Giang	3A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Toan	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
148	Hạng A Bi	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Sáu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
149	Khoảng T.Phương Cúc	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù Thị Xuân	Pa ít	Huổi Mí	Mường Chà	
150	Vừ A Chua	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Lữ	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
151	Hạng A Giang	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Ký	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
152	Cháng Thị Kim Hoa	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Sừ	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
153	Thào Văn Hồ	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Thị Danh	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
154	Giàng Thị Lợi	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Ly Văn Hà	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
155	Hạng Thị Míc	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Chu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
156	Vàng Thị Mai	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Lý	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
157	Giàng Thị Tuyết Nga	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Páo	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
158	Khoảng Thị Nhiệt	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Văn Việt	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
159	Giàng A Páo	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chứ	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
160	Hồ A Phình	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Lồng	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	

161	Vừ A Phình	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dính	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
162	Sùng A Phước	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Thái	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
163	Thào Thị Sanh	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Lồng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
164	Giàng A Tắm	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vì Thị Đào	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
165	Vừ A Tiến	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dế	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
166	Giàng Văn Thái	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Đông	Pa ít	Huổi Mí	Mường Chà	
167	Vàng A Thái	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Hờ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
168	Thào Thị Trại	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Tinh	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
169	Mùa Thị Huyền Trang	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Hồng	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
170	Cháng Thị Ương	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Văn Quyết	Pa ít	Huổi Mí	Mường Chà	
171	Khoảng Thị Vũ	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Thanh	Pa ít	Huổi Mí	Mường Chà	
172	Hờ Thị Xinh	3A4	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Sào	Pa xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
173	Giàng A Ảnh	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Cháng Di	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
174	Hạng A Ảnh	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Thanh	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
175	Khoảng Thị Bông	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Sang	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
176	Thào Thị Cà	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Mò	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
177	Sùng Thị Các Chay	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dia	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
178	Sinh A Cho	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Vi	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
179	Giàng Thị Chua	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Giồng Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
180	Giàng A Chùa	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Dững Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
181	Giàng Thị Dính	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dờ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
182	Vàng Thị Dính	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Tịnh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
183	Cháng Thị Đông	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Tủa	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
184	Vừ Thị Dợ	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Vàng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
185	Thào Thị Dừa	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
186	Giàng Thị Dứa	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Pùa	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
187	Giàng Văn Dững	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Bình	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
188	Lù Thị Thanh Duyên	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù Văn Hồng	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
189	Hờ Thị Dương	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Pó	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
190	Chớ A Đinh	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Chàng Thị Ngan	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
191	Sùng Thị Ganh	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sinh	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
192	Chàng Vũ Hiếu	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Chàng Văn Thiết	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
193	Giàng A Hiếu	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chớ	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
194	Giàng Thị Hóa	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chu	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	

195	Giàng A Kề	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vì Thị Sở	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
196	Lò Hoàng Khải	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Khiêm	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
197	Sùng Thị Mai Linh	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Thị Vừ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
198	Sùng Là Lý	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Páo	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
199	Lò Văn Nhất	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Văn Sết	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
200	Thào A Sáng	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Pùa	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
201	Vừ Thị Sen	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Chá	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
202	Vừ A Thái	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Bì	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
203	Hờ A Thành	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Lia	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
204	Kháng Thị Vân Thi	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Linh	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
205	Giàng A Thông	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Chờ Cầu	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
206	Giàng Mê Trang	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tăng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
207	Vì A Xanh	4A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lầu Thị Vắng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
208	Giàng Thị Vân Anh	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Lam	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
209	Giàng Thị Búa	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Páo	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
210	Vừ Thị Dinh	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Giảng Khoa	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
211	Lý Mạnh Du	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lý A Tênh	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
212	Vừ A Đông	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dế	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
213	Giàng Chí Đức	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Páo	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
214	Vàng Thị Em	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Chồng Tủa	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
215	Khoảng Thị Hạch	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Sâu	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
216	Hờ Thị Q. Hương	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Dế	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
217	Giàng Thị Kía	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chờ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
218	Giàng Thị Lam	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lý Thị Đợi	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
219	Sùng A Lệnh	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Khoa Dơ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
220	Thào Thị Lù	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Chờ De	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
221	Giàng Thị Máy	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Sè Là	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
222	Giàng Thị Mẩn	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng V. Nguyên	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
223	Sùng A Minh	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dế	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
224	Hờ A Mừng	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Tùng	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
225	Lù T. Phương Nam	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù Văn Yêu	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
226	Sùng A Nù	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Thanh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
227	Vàng S. Kim Ngân	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Tùng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
228	Giàng Đơn Nghiên	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Ca	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	

229	Sùng A Phi	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lênh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
230	Vừ Môn Phi	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Phái Sinh	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
231	Vàng A Phình	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Giồng Mù	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
232	Lầu T.Linh Phương	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lầu A Phòng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
233	Sùng A Quân	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Cờ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
234	Sùng Hải Quân	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tủa	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
235	Sùng Thị Song	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lồng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
236	Xim Văn Tôn	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Xim Văn Miên	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
237	Hờ Thị Tuyết	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Cửa	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
238	Lò Văn Thanh	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Văn Thân	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
239	Giàng Xi Uông	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Páo	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
240	Giàng Thị Út	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Bình	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
241	Cứ Thị Đua Xi	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ A Chừ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
242	Sùng Thị Xia	4A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Vinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
243	Sùng Danh Nhân Bách	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chè	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
244	Lý Thị Bẫu	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lý A Pùa	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
245	Hờ A Cảnh	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Giồng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
246	Ly Thị Cưng	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Ly A Chía	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
247	Sùng A Cường	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A lừ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
248	Thào A Chinh	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Cá	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
249	Mùa A Chính	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Chu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
250	Giàng Thị Dừa	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa Thị Mỹ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
251	Lầu Thị Dung	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lầu A Phía	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
252	Giàng A Hoàng	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Phừ	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
253	Lầu Thùy Gi	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Sá	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
254	Vừ A Lành	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Bác	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
255	Thào Thị Le	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Vừ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
256	Hờ Thị Liên	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Năng	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
257	Giàng Thị Ly	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Khua	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
258	Hờ Thị Ly	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Chinh	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
259	Lầu Thị Ly	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lầu A Sính	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
260	Giàng Thị Hoa Mai	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Pùa	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
261	Giàng Thị Nhi	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Khoa	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
262	Sùng Thị Ong	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Nang	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	

263	Vừ A Pha	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ Nhè Chùa	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
264	Vừ Thị Phi	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Dừa	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
265	Giàng Thị Sênh	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dương	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
266	Giàng Thị Sủ	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Mò	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
267	Giàng Dư Súa	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Thị Súa	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
268	Lâu Thị Sung	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lâu A Giồng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
269	Mùa A Tiến	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Dung	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
270	Vàng A Tùng	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Ly	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
271	Vừ A Thành	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Sáu Sứ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
272	Giàng A Thương	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tính	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
273	Lò Thị Uyên	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Toan	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
274	Giàng Công Vinh	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Phái Súa	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
275	Giàng A Vường	4A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Páo	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
276	Giàng A Ba	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dờ	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
277	Giàng Thị Chi	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Thanh	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
278	Hạng Thị Chi	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Sáu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
279	Giàng A Chung	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dờ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
280	Hạng Thị Danh	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Thanh	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
281	Lù Thị Danh	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù Thị Ui	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
282	Giàng A Dành	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Kía	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
283	Giàng Thị Dáo	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Chờ Sùng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
284	Sùng A Đế	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Chứ Chia	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
285	Sùng A Dinh	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Cháng	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
286	Thào Thị Dợ	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Súa Vừ	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
287	Giàng Thị Dữ	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tùng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
288	Cứ A Dương	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ Xía Dung	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
289	Giàng Thị Đỡ	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chí	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
290	Khoảng Thị Hiền	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Thanh	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
291	Giàng Văn Hùng	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Choi	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
292	Mùa A Kỳ	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Lừ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
293	Giàng A Linh	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Dợ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
294	Sùng A Nanh	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lồng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
295	Thào T. Thanh Ngân	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Mua	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
296	Sinh Thị Ngoan	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh A Phả	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	

297	Thào Thị Pà Nhìa	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Tinh	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
298	Khoảng Thị Oanh	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Xươi	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
299	Vàng A Phong	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Ký	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
300	Giàng A Sảnh	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
301	Giàng Thị Sảy	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
302	Giàng A Sinh	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Pà Câu	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
303	Giàng Thị Sú	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vì Thị Đào	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
304	Hạng Thị Tét	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ Thị Đế	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
305	Vàng A Thái	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Dừa	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
306	Vừ A Thảng	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Cầu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
307	Lù A Thành	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù A Sinh	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
308	Vàng Chiến Thắng	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Si	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
309	Giàng Văn Vui	5A1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Hoan	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
310	Vàng Thị Cầu	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Thào	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
311	Vàng A Chính	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Di	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
312	Hạng A Dai	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Chu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
313	Vừ Thị Dinh	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Chừ	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
314	Lý A Dinh	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lý A Cầu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
315	Vừ Thị Dung	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Tinh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
316	Lò Văn Hùng	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Hặc	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
317	Lò Văn Huy	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Hạt	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
318	Hờ A Khoa	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Sào	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
319	Giàng Thanh Long	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Linh	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
320	Hạng Cúng Mông	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Dừa	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
321	Giàng Thị Hà Nga	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù Thị Lan	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
322	Lò Thị Bích Nguyệt	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Sơn	Long Tạo	Huổi Mí	Mường Chà	
323	Sùng Thị Kim Ngọc	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Sế	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
324	Hạng A Nguyên	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Ấp	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
325	Hạng A Phe	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Ký	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
326	Vàng A Phử	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Chồng Súa	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
327	Sinh Gầu Rạy	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Ía	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
328	Giàng Thị Rũa	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thái	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
329	Vàng Thị Sảy	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Van	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
330	Thào Thị Sia	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Sinh	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	

331	Giảng A Sinh	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Cháy	Huội Xuân	Huội Mí	Mường Chả
332	Sùng Thị Sinh	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Cờ	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
333	Vư Thị Tóc	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vư A Dĩa	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
334	Lò Thị Hồng Tuyết	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Văn Doãn	Long Tào	Huội Mí	Mường Chả
335	Thảo A Thanh	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thảo A Cầu	Huội Mí 2	Huội Mí	Mường Chả
336	Hồ A Thành	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Phía	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
337	Khoảng Văn Thảo	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng Thị Biền	Long Tào	Huội Mí	Mường Chả
338	Lò Thị Thủy	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Thị Niêm	Long Tào	Huội Mí	Mường Chả
339	Giảng Thị Vi	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Po	Lũng Thàng 1	Huội Mí	Mường Chả
340	Giảng A Viên	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Kỳ	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
341	Giảng Thị Xi	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Tê	Huội Xuân	Huội Mí	Mường Chả
342	Sùng Thị Xi	5A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tùng	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
343	Thảo A Ban	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thảo A Vư	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
344	Vư Thị Bầu	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vư A Tủa	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
345	Vư Thị Bia	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vư A Trầu	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
346	Hồ A Công	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ Cháy Phòng	Lũng Thàng 1	Huội Mí	Mường Chả
347	Khoảng Văn Cường	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Thằng	Pa It	Huội Mí	Mường Chả
348	Giảng A Chi	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Chu	Huội It	Huội Mí	Mường Chả
349	Giảng A Dinh	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Chàng	Huội It	Huội Mí	Mường Chả
350	Giảng Thị Dinh	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Tinh	Lũng Thàng 1	Huội Mí	Mường Chả
351	Vư A Dinh	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vư A Dê	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
352	Sùng Thị Dợ	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dĩa	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
353	Thảo Thị Dưa	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Trư	Huội It	Huội Mí	Mường Chả
354	Vư Thị Dưa	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vư Gà Dê	Lũng Thàng 2	Huội Mí	Mường Chả
355	Khoảng Văn Dũng	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Thị Hương	Pa It	Huội Mí	Mường Chả
356	Giảng Thị Dương	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng Văn Đông	Pa It	Huội Mí	Mường Chả
357	Sùng A Đông	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Chư Ly	Pa Xoan 2	Huội Mí	Mường Chả
358	Thảo Thị Dưa	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thảo A Phòng	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
359	Giảng A Hiệp	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Tùng	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
360	Vàng Ngọc Hoa	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Chu	Lũng Thàng 1	Huội Mí	Mường Chả
361	Sùng Thị Mai Lan	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Dợ	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
362	Giảng A Mạnh	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giảng A Chàng	Pa Xoan 2	Huội Mí	Mường Chả
363	Giảng A Minh	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Thị Tinh	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả
364	Mùa A Mong	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Vư	Huội Mí 1	Huội Mí	Mường Chả

365	Hạng Thị Sanh	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Vàng	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
366	Vừ A Sinh	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Giăng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
367	Sùng Thị Pà Song	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Sáy Tú	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
368	Giăng Trường Sơn	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giăng A Phê	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
369	Lù A Tinh	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù A Phong	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
370	Vàng A Thầy	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng Cháy Phỏng	Huổi Mí 2	Huổi Mí	Mường Chà	
371	Thào A Thu	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Lồng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
372	Vừ Thị Trừ	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Gà Dế	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
373	Sùng A Vành	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giăng Thị Súa	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
374	Vừ Thị Xia	5A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng Thị Đại	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
375	Giăng Chí Công	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giăng A Páo	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
376	Vừ Thị Cống	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Cầu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
377	Giăng Chí Cường	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giăng A Chúng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
378	Mùa A Chà	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Sừ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
379	Giăng A Đình	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giăng A Pùa	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
380	Hờ Thị Dứa	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Phía	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
381	Vừ Thị Hà	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Sầu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
382	Giăng Quang Hải	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giăng A Tú	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
383	Thào A Hoàng	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Pao	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
384	Sùng Minh Khang	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tính	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
385	Thào Thị Tri Liên	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Tú	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
386	Giăng Thị Thu Ngân	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giăng A Cừ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
387	Thào Thị Phương Nhi	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Giồng Sinh	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
388	Hờ Thị Phi	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Giồng	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
389	Giăng Thị Phương	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giăng Thị Vang	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
390	Vừ Thị Quỳnh	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dính	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
391	Hờ Thị Sinh	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Chinh	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
392	Thào Xuân Tú	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Chia	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
393	Sùng A Thành	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dơ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
394	Thào A Thành	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Dù Dế	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
395	Vừ A Vân	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Lầu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
396	Thào A Thanh Viên	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Chia	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
397	Sùng Thị Xía	1A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Cơ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
398	Sùng Thị Bình	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dia	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	

399	Giàng Thị Pà Cúc	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Pù	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
400	Vừ Thị Chi	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Chung	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
401	Hồ Thị Đơ	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Dơ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
402	Sùng Y Chim Hu	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Tính	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
403	Sùng A Mạnh	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Dính	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
404	Sùng Chương Phi	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Súa	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
405	Sùng Thanh Phong	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Súa	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
406	Lầu A Phương	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lầu A Giống	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
407	Vừ A Phừ	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Bấc	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
408	Giàng A Quy	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Sầu	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
409	Ly Thị Sổng	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Ly A Chía	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
410	Vừ A Tinh	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Chổng Sở	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
411	Sùng A Thái	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Cung	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
412	Thào A Thành	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Vừ	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
413	Sùng Thị Xanh	2A2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Di	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà	
414	Vừ A Bất	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Sìa	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
415	Giàng A Chù	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Ninh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
416	Giàng Thị Dợ	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dính	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
417	Giàng A Hà	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chừ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
418	Giàng Thị Hoa	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Po	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
419	Giàng Kim Hoa	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dinh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
420	Sùng Thị Máy	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Lử	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
421	Lầu Công Mong	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lầu A Chá	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
422	Vàng Thị Nhi	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Páo	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
423	Giàng A Sinh	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Lử	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
424	Hồ Minh Sinh	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hồ A Lia	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
425	Vàng A Thanh	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Minh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
426	Vừ Quân Viên	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Phía	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
427	Vừ Thị Xinh	1A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Khoa	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
428	Vàng Địa Chím	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Chu	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
429	Vàng A Đông	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Ly	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
430	Giàng Thị Gầu	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thái	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
431	Vừ Thị Hà	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Súa	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
432	Vừ Thị Hương	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Phía	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	

433	Giàng Thị Lia	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Dợ	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
434	Giàng A Ri	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Thị Dĩnh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
435	Vừ Thị Si	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dĩnh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
436	Giàng A Thắng	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Ninh	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
437	Cứ A Thương	2A3	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ A Dia	Lùng Thàng 1	Huổi Mí	Mường Chà	
438	Giàng T Nguyệt Ánh	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Lừ	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
439	Vì A Công	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vì A Páo	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
440	Thào Thị Dung	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Lồng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
441	Giàng Thành Nam	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Châu	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
442	Vừ A Panh	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Cá	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
443	Giàng Nghĩa Quân	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Vàng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
444	Vừ Thị Sinh	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Dua Trầu	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
445	Vừ Thị Súa	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Giàng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
446	Vàng Ê Li	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàn Thị Che	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
447	Vừ Thị Xay	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Chinh	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
448	Giàng Thị Xi	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Mao	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
449	Vàn Thị Súa	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàn Thị Che	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
450	Vừ Thị Lý	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Vàng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
451	Thào A Minh	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Pùa	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
452	Giàng T Tuyết Ngọc	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Vàng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
453	Giàng Thị Nhĩ	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Mạnh	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
454	Vàng A Phình	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vàng A Páo	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
455	Vừ A Sừ	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Giàng	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
456	Vừ A Vinh	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Lừ	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà	
457	Hờ Thị Bàu	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Dế	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
458	Cứ Quang Huy	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ A Trầu	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
459	Hờ Quang Minh	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Dế	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
460	Lý Thị Kim Ngọc	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lý A Hờ	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
461	Cứ Hồng Công	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ A Trầu	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
462	Giàng Thị Đề	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Dế	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
463	Hờ Thị Hoa Hồng	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Tùng	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
464	Giàng Thị Kía	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giang A sinh	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
465	Sùng Thị Ly	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ A Trầu	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
466	Hờ Thị Ngọc Mai	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hờ A Vừ	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	

467	Cứ Thị Địa Phương	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cứ A Thắng	Pa Xoan 1	Huổi Mí	Mường Chà	
468	Giàng A Chí	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tăng	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
469	Vừ A Du	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Pó	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
470	Vừ A Huy	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dế	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
471	Thào Thị Gia Linh	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Chớ	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
472	Thào A Lờ	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Sinh	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
473	Giàng A Ly	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chừ	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
474	Giàng A Phừ	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tê	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
475	Thào Quân Sự	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Sáy Giàng	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
476	Giàng Thị Thủy Tiên	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Ròng	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
477	Giàng A Tường	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tinh	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
478	Thào Thị Bía	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Sinh	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
479	Giàng Thị Dáng	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Gơ	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
480	Giàng Đại Dương	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Lam	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
481	Vừ A Mông	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dế	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
482	Giàng Minh Phong	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Thư	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
483	Vừ A Thanh	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Gà Lầu	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
484	Thào Thị Vi	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Kỳ	Huổi Xuân	Huổi Mí	Mường Chà	
485	Giàng Thị Hoa	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Sùng	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
486	Giàng A Thắng	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Óng	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
487	Giàng Thị Ánh Xuân	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Dung	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
488	Giàng Thị Yến Mai	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Táng	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
489	Sùng Thị Dừa	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sinh Thị Thái	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
490	Mùa Thị Hương	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Sầu	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
491	Giàng Thị La	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Páo	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
492	Giàng Tuấn Khương	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Lứ	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
493	Cháng Thị Sinh Mỹ	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Tủa	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
494	Giàng Thị Tuyên	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Tùng	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
495	Sùng A Thào	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Cống	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
496	Giàng Thị Đông	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Chớ	Pa Xoan 2	Huổi Mí	Mường Chà	
497	Cháng Thị Hoa Bằng	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Xú	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
498	Vừ A Dia	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ Gà Sinh	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
499	Vừ Thị Dung	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Dính	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
500	Vừ A Hà	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Chua	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	

501	Mùa A Hạnh	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Năng	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
502	Sùng A Phế	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Páo	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
503	Vừ A Sứ	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Khua	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
504	Sùng A Tiến	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Thái	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
505	Vừ Thị Vân	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Vừ A Cầu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
506	Thào Thị Đại	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Tủa	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
507	Hạng Thị La	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Vàng	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
508	Cháng Thị Ngọc Lan	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng Thị Xú	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
509	Giàng A Nu	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Thị Súa	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
510	Giàng Thị Trai	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng A Dương	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
511	Mùa A Trí	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Mùa A Hồng	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
512	Sùng Thị Xía	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Sùng A Chính	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
513	Hạng A Dế	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Dừa	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
514	Thào Thị Mò	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào A Tinh	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
515	Hạng A Quỳnh	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Sáu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
516	Hạng A Ên	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Phu	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
517	Cháng Thị Sanh	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Cháng A Kháng	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
518	Hạng A Thánh	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Ấp	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
519	Hạng A Vân	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Di	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
520	Hạng Thị Xì	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Hạng A Thanh	Huổi Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
521	Khoảng Thị Hoa Ben	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Thanh	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
522	Khoảng Thị Chanh	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Xươi	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
523	Lò Văn Dương	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Văn Tương	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
524	Lò Văn Đô	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Văn Sét	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
525	Lò Đức Hào	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Chàng Thị Diên	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
526	Khoảng Thị Nhan	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Thị Hợi	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
527	Thào Văn Oan	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Văn Khỏ	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
528	Lù Văn Quân	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù Thị Sông	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
529	Thào Văn Thừa	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Văn Ổn	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
530	Giàng Thị Yên	1	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Hương	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
531	Khoảng T. Phương Châm	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Nuôi	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
532	Chớ A Đang	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Chàng Thị Ngan	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
533	Giàng Văn Giành	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Lún	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
534	Giàng Thị Hạch	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Thào Văn Việt	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	



535	Khoảng Thị Mai Kim	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Thắng	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
536	Giàng Thị Nguyệt	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Giàng Văn Không	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
537	Khoảng Văn Pháp	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Quảng Văn Pe	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
538	Khoảng Thị Thuý	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Khoảng Văn Sang	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
539	Lò Cương Vi	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lò Văn Thiết	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
540	Lù Thị Thanh Nguyệt	2	Xã khu vực III	150.000	5	750.000	Lù Thị Sông	Pa Ít	Huổi Mí	Mường Chà	
	Tổng					405.000.000					
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm linh năm triệu đồng											
Tổng số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập: 540 học sinh											



Số: 37 /QĐ-PGDĐT

Mường Chà, ngày 11 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024-2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Mường Chà về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội về quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Xét tờ trình đề nghị phê duyệt chế độ chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 của các đơn vị trường học trong huyện;

Căn cứ biên bản thẩm định hồ sơ xét duyệt chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; xét duyệt học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 thuộc năm học 2024-2025 của Hội đồng xét duyệt phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật 5 tháng đầu năm 2025 của 32 trường với 123 học sinh, tổng số tiền hỗ trợ 1.146.600.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

(Có bảng tổng hợp và danh sách học sinh kèm theo)

1. Thời gian được hưởng học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập: 05 tháng đầu năm 2025, thuộc năm học 2024-2025;

2. Học sinh khuyết tật được hưởng mức học bổng và mức hỗ trợ phương tiện đồ dùng học tập theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và Xã hội.

Điều 2. Các Hội đồng xét học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với học sinh khuyết tật có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai kết quả thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ phận chuyên môn Mầm non, Tiểu học, THCS, Kế toán, Tổ chức, Hiệu trưởng các trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KT, CMMN, CMTH, CMTHCS.



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Hồng Quân

DANH SÁCH
TRƯỜNG, SỐ LƯỢNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
 Kèm theo Quyết định số: 37 /QĐ-PGDĐT ngày 11 /3/2025 của Phòng GD&ĐT)

TT	Trường	Số lượng học sinh khuyết tật	Ghi chú
1	Mầm non số 2 Na Sang	3	
2	Mầm non Ma Thi Hồ	3	
3	Mầm non Huổi Lèng	2	
4	Mầm non Hừa Ngải	1	
5	Mầm non số 2 Sá Tổng	1	
6	Mầm non Mường Anh	1	
7	Mầm non Nậm Nèn	3	
8	Mầm non Huổi Mí	3	
9	Mầm non Mường Tùng	1	
10	Trường Tiểu học số 1 Mường Mươn	2	
11	Trường PTDTBT TH số 2 Mường Mươn	1	
12	Trường PTDTBT TH số 1 Na Sang	3	
13	Trường PTDTBT TH số 2 Na Sang	8	
14	Trường PTDTBT TH Ma Thi Hồ	5	
15	Trường PTDTBT TH Sa Lông	2	
16	Trường PTDTBT TH Huổi Lèng	11	
17	Trường PTDTBT TH Hừa Ngải	2	
18	Trường PTDTBT TH Nậm He	5	
19	Trường PTDTBTTH số 2 Sá Tổng	5	
20	Trường PTDTBTTH Mường Anh	8	
21	Trường PTDTBTTH Nậm Nèn	7	
22	Trường PTDTBTTH Huổi Mí	2	
23	Trường PTDTBT THCS Na Sang	7	
24	Trường THCS Thị trấn	2	
25	Trường PTDTBT THCS Sa Lông	3	
26	Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng	4	
27	Trường PTDTBT THCS Hừa Ngải	2	
28	Trường TH&THCS Mường Tùng	2	Cấp TH: 1 Cấp THCS: 1



29	Trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng	10	Cấp TH: 5 Cấp THCS: 5
30	Trường THCS Mường Anh	8	
31	Trường THCS Nậm Nèn	5	
32	Trường PTDTBT THCS Huổi Mí	1	
Tổng cộng		123	



DANH SÁCH HỌC SINH KHUYẾT TẬT CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
Được chi trả học bổng 5 tháng đầu năm 2025, năm học 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: 37/QĐ-PGDĐT ngày 11/3/2025 của Phòng GD&ĐT)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Học sinh trường	Lớp	Diện hỗ trợ	Dạng khuyết tật	Mức độ khuyết tật	Chi trả học bổng			Họ tên bố (mẹ, chủ hộ)	Hộ khẩu thường trú (Bản, xã)		
		Ngày	Tháng	Năm							Mức học bổng hỗ trợ/tháng (đ)	Số tháng hỗ trợ	Tổng mức hỗ trợ (đ)		Bản	Xã	Huyện
1	Giàng A Minh	12	1	2016	Nam	Tiểu học số 1 Mường Mươn	3A2	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Sinh	Kết Tinh	Mường Mươn	Mường Chà
2	Sùng Thị Đúa	1	8	2014	Nữ	Tiểu học số 1 Mường Mươn	5A1	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng Giồng Páo	Kết Tinh	Mường Mươn	Mường Chà
3	Vừ Thị Giây	8	1	2018	nữ	PTDTBT TH số 1 Na Sang	1B	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Nénh	Huổi Lóng	Na Sang	Mường Chà
4	Vàng A Châu	16	6	2017	Nam	PTDTBT TH số 1 Na Sang	2F	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Xanh	Huổi Hạ	Na Sang	Mường Chà
5	Vàng Thị Phương	27	10	2016	Nữ	PTDTBT TH số 1 Na Sang	3C	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Dừa	Huổi Hạ	Na Sang	Mường Chà
6	Giàng Xuân Trường	1	2	2017	Nam	PTDTBT TH số 2 Na Sang	2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Bi	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
7	Sùng A Khai	31	7	2017	Nam	PTDTBT TH số 2 Na Sang	2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Chính	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
8	Sùng Thị Huyền	30	10	2016	Nữ	PTDTBT TH số 2 Na Sang	3	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Sỏ	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà
9	Lý A Hoàn	5	6	2016	Nam	PTDTBT TH số 2 Na Sang	3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lý A Phong	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà
10	Lầu Thị Xú	16	4	2016	Nữ	PTDTBT TH số 2 Na Sang	3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lầu A Kỳ	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
11	Hờ Thị Mi	19	8	2016	Nữ	PTDTBT TH số 2 Na Sang	3	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Sỏ	Huổi Xưa	Na Sang	Mường Chà
12	Giàng Thị Cú	6	6	2014	Nữ	PTDTBT TH số 2 Na Sang	.5	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	.5	9.360.000	Giàng A Khá	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà

13	Cháng A Long	21	1	2014	Nam	PTDTBT TH số 2 Na Sang	5	Hộ nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Cháng A Nài	Huổi Xuân	Na Sang	Mường Chà
14	Vừ A Quyền	14	8	2018	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	1MLT	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Minh	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà
15	Vừ Phi Công	27	4	2017	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	2MLT	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Phừ	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà
16	Giàng Li Hùng	10	12	2017	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	2TD	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Sênh	Trung Dinh	Huổi Lèng	Mường Chà
17	Liều A Thảng	29	5	2016	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	3a1	Hộ nghèo	Nhìn	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Liều A Sây	Ma Lù Thàng	Huổi Lèng	Mường Chà
18	Giàng Bình An	26	1	2016	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	3a2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Vàng	Huổi Tóong 1	Huổi Lèng	Mường Chà
19	Lò Hoàn Ség	25	3	2015	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	4a1	Hộ nghèo	Nhìn	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lò Seo Lũ	Huổi Lèng	Huổi Lèng	Mường Chà
20	Hồ A Hữu	11	10	2015	Nam	PTDTBT TH Huổi Lèng	4a2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ A Khoa	Nậm Chua	Huổi Lèng	Mường Chà
21	Chớ Thị Bang Tuyết	3	7	2015	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	4a3	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Thị Mỹ	Trung Dinh	Huổi Lèng	Mường Chà
22	Chớ Thị Tri	18	12	2014	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	5a1	Hộ nghèo	Nhìn	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Chớ A Chổng	Ca Dinh Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà
23	Hạng Thị Thủy	22	11	2014	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	5a2	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hạng A Ly	Trung Dinh	Huổi Lèng	Mường Chà
24	Hồ Ngọc Nhung	20	8	2014	Nữ	PTDTBT TH Huổi Lèng	5a3	Cận nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ A Sinh	Ca Dinh Nhè	Huổi Lèng	Mường Chà
25	Vừ A Dừng	6	1	2015	Nam	PTDTBT TH Hừa Ngải	4A4	Hộ nghèo	KT Nghe nói	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ Chừ Má	Hát tre	Hừa Ngải	Mường Chà
26	Ly Thị Phương Linh	28	8	2018	Nữ	PTDTBT TH Hừa Ngải	1	Hộ nghèo	KT Vận động	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Ly A Phừ	Phi Công	Hừa Ngải	Mường Chà
27	Chang A Cải	7	1	2016	Nam	PTDTBT TH Nậm He	3A3	Hộ nghèo	Vận động	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Chang A Chúng	Nậm Piễn	Mường Tùng	Mường Chà
28	Chang A Dinh	25	3	2015	Nam	PTDTBT TH Nậm He	4A4	Hộ nghèo	Vận động	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Chang A Tủa	Nậm Piễn	Mường Tùng	Mường Chà

29	Sùng A Phừ	18	1	2013	Nam	PTDTBT TH Nậm He	5A2	Hộ nghèo	Nghe - Nhìn	Khuyết tật nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Dơ	Huổi Trá	Mường Tùng	Mường Chà
30	Ly A Mạnh	3	9	2014	Nam	PTDTBT TH Nậm He	5A2	Hộ nghèo	Nhìn	Khuyết tật nặng	1.872.000	5	9.360.000	Ly A Bình	Nậm Piên	Mường Tùng	Mường Chà
31	Giàng Thị La	10	11	2014	Nữ	PTDTBT TH Nậm He	5A3	Hộ nghèo	Vận động	Khuyết tật nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Chua	Huổi Trá	Mường Tùng	Mường Chà
32	Súng A Hoắc	16	10	2017	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	2A	Hộ nghèo	Không có lỗ tai, không biết nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Sài	Trung Ghênh	Sá Tổng	Mường Chà
33	Hờ A Canh	26	4	2015	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	4B	Hộ nghèo	Câm điếc	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Giàng	Dế Da	Sá Tổng	Mường Chà
34	Sùng Trần Cường	13	9	2015	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	4C	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng Sấu Phòng	Trung Ghênh	Sá Tổng	Mường Chà
35	Giàng A Thông	15	8	2014	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	5A	Hộ nghèo	Câm điếc, trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Minh Chua	Háng Mùa Lừ	Sá Tổng	Mường Chà
36	Vàng A Linh	29	9	2012	Nam	PTDTBT TH số 2 Sá Tổng	5C	Hộ nghèo	Vận động, nghe nói, trí tuệ	68% Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Lý	Trung Ghênh	Sá Tổng	Mường Chà
37	Điêu Gia Huy	11	7	2018	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	1A1	Hộ cận nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Điêu Thị Hiền	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà
38	Vừ Đông Nhi	29	12	2018	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	1A2	Hộ nghèo	Vận động	Đặc biệt	1.872.000	5	9.360.000	Vừ Giống Nhè	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà
39	Vừ A Lù	2	2	2018	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	1A2	Hộ nghèo	Nghe, nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Chinh	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà
40	Lò Thanh Nhân	21	03	2017	Nữ	PTDTBT TH Mường Anh	2A1	Hộ nghèo	Khuyết tật khác	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Quả	Mường Anh 1	Pa Ham	Mường Chà
41	Tòng Văn Linh	4	1	2016	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	3A1	Hộ cận nghèo	Sứt môi, hở hàm ếch	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Tòng Văn Cọn	Mường Anh 2	Pa Ham	Mường Chà
42	Hờ A Mua	21	2	2016	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	3A2	Hộ nghèo	Câm	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hờ A Chác	Huổi Đáp	Pa Ham	Mường Chà
43	Sùng A Lâm	29	10	2016	Nam	PTDTBT TH Mường Anh	3A3	Hộ nghèo	Thần kinh - Tâm thần	Đặc biệt - Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Vừ	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà
44	Giàng Thị Ma	4	7	2014	Nữ	PTDTBT TH Mường Anh	5A3	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Nhè Séo	Huổi Bon	Pa Ham	Mường Chà

45	Hạng Thị Vân Nhung	7	12	2016	Nữ	PTDTBT TH Nậm Nền	2A1	Hộ nghèo	Khuyết tật trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Hạng A Vang	Háng Trờ	Nậm Nền	Mường Chà
46	Lò Thiện Nhân	22	12	2017	Nam	PTDTBT TH Nậm Nền	2	Hộ nghèo	Sứt môi, hở hàm ếch	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Inh	Phiêng Đất A	Nậm Nền	Mường Chà
47	Ly Văn Định	28	1	2015	Nam	PTDTBT TH Nậm Nền	2	Hộ nghèo	Khuyết tật trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lý Thị Kỳ	Hồ Múc	Nậm Nền	Mường Chà
48	Lò Thị Minh Châu	17	9	2015	Nữ	PTDTBT TH Nậm Nền	4A2	Hộ nghèo	Sứt môi, hở hàm ếch	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Trang	Phiêng Đất A	Nậm Nền	Mường Chà
49	Lò Văn Duy	31	8	2014	Nam	PTDTBT TH Nậm Nền	5A1	Hộ nghèo	Chậm phát triển trí tuệ	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Lò Văn Chương	Phiêng Đất A	Nậm Nền	Mường Chà
50	Vừ Thị Thu Phiến	17	9	2014	Nữ	PTDTBT TH Nậm Nền	5A1	Hộ nghèo	Dị tật tim bẩm sinh	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Vả	Háng Trờ	Nậm Nền	Mường Chà
51	Vừ Thị Ngọc Phương	27	8	2014	Nữ	PTDTBT TH Nậm Nền	5A2	Hộ nghèo	Nói ngọng, Chậm phát triển,	Nhẹ	1.872.000	5	9.360.000	Vừ A Khoa	Háng Trờ	Nậm Nền	Mường Chà
52	Lò Đăng Khoa	28	7	2018	Nam	PTDTBT TH& THCS Mường Tùng	1	Hộ nghèo	Thần kinh	Khuyết tật nặng	1.872.000	5	9.360.000	Lò Đức Thắng	Mường Tùng	Mường Tùng	Mường Chà
53	Sùng Thị Bóc	14	2	2018	Nữ	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	1A	Hộ cận nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Thi	Phi 2	Sá Tổng	Mường Chà
54	Thào A Phong	2	1	2016	Nam	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	3B	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào A Mũ	Xà Phình 1	Sá Tổng	Mường Chà
55	Vàng Thị Sư	21	9	2016	Nữ	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	3C	Hộ nghèo	Vận động(liệt chân,tay)	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Vàng A Chở	Xà Phình 2	Sá Tổng	Mường Chà
56	Giàng A Thu	20	2	2015	Nam	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	4A	Hộ nghèo	Vận động	61% đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Cầu	Xà Phình 2	Sá Tổng	Mường Chà
57	Sùng Thị Ganh	11	12	2017	Nữ	PTDTBT TH& THCS Sá Tổng	2B	Hộ nghèo	Khuyết tật đặc biệt nặng	Trẻ em khuyết tật đặc biệt	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Tú	Đề Đề	Sá Tổng	Mường Chà
58	Mùa Thị Đór	2	1	2017	Nữ	PTDTBT TH số 2 Mường Mươn	2	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Mùa A Khai	Huổi Ho	Mường Mươn	Mường Chà
59	Chớ Thị Thanh Xuân	21	2	2014	Nữ	PTDTBT TH Sa Lông	5A1	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Chớ A Sinh	Sa Lông 1	Sa Lông	Mường Chà
60	Hồ A Khánh	9	8	2017	Nam	PTDTBT TH Sa Lông	2A2	Hộ cận nghèo	Trí tuệ	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ Thị Sung	Sa Lông 2	Sa Lông	Mường Chà

61	Sùng A Dơ	30	10	2017	Nam	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	2A6	Hộ nghèo	Nhìn	Đặc biệt nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Cá	Huổi Quang 1	Ma Thi Hồ	Mường Chà
62	Sùng Minh Huy	17	9	2016	Nam	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	3A4	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng Thị Kía	Hồ Chim 2	Ma Thi Hồ	Mường Chà
63	Giàng Thị Hiền	8	2	2018	Nữ	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	1A1	Hộ nghèo	Nghe - Nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Hồ Thị Cầu	Làng Dung	Ma Thi Hồ	Mường Chà
64	Giàng Thị Dừa	20	6	2018	Nữ	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	1A4	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Cờ	Huổi Mỹ	Ma Thi Hồ	Mường Chà
65	Sùng A Hồ	18	4	2018	Nam	PTDTBT TH Ma Thi Hồ	1A1	Hộ nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Sùng A Cháng	Hồ Chim 1	Ma Thi Hồ	Mường Chà
66	Thào Thị Phương Nhi	28	8	2018	Nữ	PTDTBT TH Huổi Mí	1A2	Hộ cận nghèo	Vận động	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Thào Giống Sính	Huổi Mí 1	Huổi Mí	Mường Chà
67	Giàng Thị Hóa	1	11	2015	Nữ	PTDTBT TH Huổi Mí	4A1	Hộ cận nghèo	Vận động, nghe nói	Nặng	1.872.000	5	9.360.000	Giàng A Chu	Lùng Thàng 2	Huổi Mí	Mường Chà
Tổng													627.120.000				
Danh sách có 67 học sinh																	

